

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------|--|---|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| I | Về phạm vi cung cấp | | |
| 1 | Chủng loại hàng hóa cung cấp | Hàng hóa theo đúng danh mục trong E-HSMT | Không đúng chủng loại |
| 2 | Số lượng hàng hoá | Số lượng hàng hoá đáp ứng đầy đủ theo danh mục trong E-HSMT | Không đáp ứng đầy đủ theo danh mục trong E-HSMT |
| 3 | Nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa | - Hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, có nhà sản xuất/hãng sản xuất, ký mã hiệu đầy đủ. | - Nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa không rõ ràng hoặc không có nhà sản xuất/ hãng sản xuất, không có ký mã hiệu đầy đủ |
| 4 | Tài liệu hướng dẫn sử dụng | Có cam kết cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng đầy đủ khi giao hàng . | Không có cam kết cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng khi giao hàng |
| 5 | Các dịch vụ bao gồm: - Nhà thầu có phương án, sẵn sàng cho Bệnh viện mượn dụng cụ, thiết bị hỗ trợ để sử dụng các vật tư (trong danh mục tham dự thầu) khi Bệnh viện có yêu cầu. - Nhà thầu hỗ trợ trong công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của Bệnh viện (thiết bị sử dụng hàng hóa trong danh mục tham dự thầu) định kỳ để bảo đảm tính liên tục, phục vụ người bệnh; hỗ trợ | Có cam kết | Không có cam kết |

| | | | |
|---|---|---|--|
| | kỹ thuật miễn phí trong trường hợp thiết bị của Bệnh viện bị lỗi, hoặc cho Bệnh viện mượn thiết bị khác tương ứng trong trường hợp máy của Bệnh viện hư hỏng, không đủ công suất. | | |
| 6 | Nhà thầu cam kết: Cung cấp trang thiết bị y tế để sử dụng vật tư, hóa chất (Theo danh mục hàng hóa trong Hồ sơ mời thầu) khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. | Có cam kết | Không có cam kết |
| II Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa | | | |
| 1 | Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hoá theo danh mục hàng hoá. | <p>- Hàng hoá cung cấp phải đảm bảo những đặc tính, thông số kỹ thuật, đảm bảo theo mô tả tại danh mục trong HSMT và có cấu hình tính năng kỹ thuật bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu về mặt kỹ thuật được mô tả tại biểu yêu cầu về mặt kỹ thuật trong HSMT.</p> <p>- Nhà thầu cung cấp toàn bộ Catalogue sản phẩm thể hiện những đặc tính, thông số kỹ thuật, đảm bảo theo mô tả tại danh mục trong HSMT và có cấu hình tính năng kỹ thuật</p> | <p>Hàng hoá cung cấp không đảm bảo những đặc tính, thông số kỹ thuật, không đảm bảo theo mô tả tại danh mục hàng hoá trong HSMT hoặc có cấu hình tính năng kỹ thuật thấp hơn so với yêu cầu về mặt kỹ thuật được mô tả tại biểu yêu cầu về mặt kỹ thuật trong HSMT .</p> <p>- Nhà thầu không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ Catalogue sản phẩm.</p> |

| | | | |
|------------|--|---|---|
| | | bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu về mặt kỹ thuật được mô tả tại biểu yêu cầu về mặt kỹ thuật trong HSMT | |
| 2 | Cam kết về hàng hóa dự thầu | Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm về cung cấp sản phẩm đối với hàng hóa tham dự phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. | Không có cam kết của nhà thầu. |
| III | Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng | | |
| 1 | Đạt các tiêu chuẩn như yêu cầu quy định tại chương V | Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn như yêu cầu quy định tại chương V. | Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu quy định tại chương V. |
| 2 | Cam kết của nhà thầu về việc thu hồi, đổi trả và cung cấp lại hàng hóa mới 100% theo đúng yêu cầu của E-HSMT, cụ thể: + Trường hợp tại thời điểm kiểm tra, hàng hóa không đạt yêu cầu về nhiệt độ bảo quản, hạn sử dụng, nhãn, quy cách bao gói hoặc kết quả thử nghiệm không đạt các thông số công bố; + Trong quá trình sử dụng (theo hạn sử dụng của vật tư, hàng hóa), trường hợp vật tư hàng hóa không đạt yêu cầu về chất lượng như nhà thầu cam kết trong E-HSMT + Thu hồi hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất hoặc bị lỗi do quá trình vận chuyển đến | Có cam kết của nhà thầu. | Không có cam kết của nhà thầu. |

| | | | |
|-----------|--|--|--|
| | kho của Bệnh viện hoặc trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không phải do lỗi của Bệnh viện. | | |
| IV | Thời gian thực hiện và thời gian sử dụng của vật tư tiêu hao, hàng hóa khi bàn giao. | | |
| 1 | Thời gian giao hàng | ≤ 07 ngày kể từ khi đơn vị sử dụng đặt hàng bằng điện thoại hoặc fax... | > 7 ngày kể từ khi đơn vị sử dụng đặt hàng bằng điện thoại hoặc fax... |
| 2 | Thời gian giao hàng trong trường hợp khẩn cấp | ≤ 24 giờ kể từ khi đơn vị sử dụng đặt hàng bằng điện thoại hoặc fax... | > 24 giờ kể từ khi đơn vị sử dụng đặt hàng bằng điện thoại hoặc fax... |
| 1 | Thời gian sử dụng của vật tư tiêu hao, hàng hóa khi bàn giao. | Hạn sử dụng: + Tối thiểu còn ≥ 12 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ 24 tháng trở lên. + Tối thiểu còn ≥ 6 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ 12 tháng đến dưới 18 tháng + Tối thiểu còn ≥ 3 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ 6 tháng đến dưới 12 tháng + Tối thiểu còn ≥ 2 tháng đối với các mặt hàng có hạn sử dụng từ 3 tháng đến dưới 6 tháng | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên |

| | | | |
|-----------------|----------------------|---|---|
| Đánh giá | Đáp ứng | Đạt hoặc chấp nhận được tất cả các nội dung trên | |
| | Không đáp ứng | | Không đạt bất kỳ 1 nội dung nào nêu trên |